

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 02 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/04/2019 tại đường dẫn: [http://gelex.vn/financial\\_report](http://gelex.vn/financial_report)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\*Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán

**Người đại diện theo pháp luật/**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phạm Tuấn Anh**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty đại chúng quy mô lớn, hiện đang thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường HSX – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2018 so với năm 2017 như sau:

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017 (trình bày lại)	Biến động Năm 2018 /Năm 2017
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.699,1	11.984,1	14,3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.533,1	1.144,6	33,9%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.283,5	906,1	41,6%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2018 là 1.283,5 tỷ đồng; tăng 337,4 tỷ đồng, tương đương mức tăng 41,6% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Lợi nhuận từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tăng;
- Hợp nhất thêm kết quả kinh doanh của một số công ty trở thành công ty con của GELEX trong năm 2018 như Công ty cổ phần nước sạch Sông Đà và Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội;
- Một số công ty con có lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

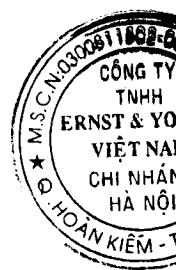
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 85

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61355749/20161018-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 85, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.104.003.384.888</b>	<b>7.447.578.048.018</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>923.667.098.002</b>	<b>1.097.517.266.477</b>
111	1. Tiền		674.299.498.002	603.601.059.404
112	2. Các khoản tương đương tiền		249.367.600.000	493.916.207.073
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>1.863.955.085.242</b>	<b>1.546.228.259.969</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.437.174.593.265	909.595.972.003
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.797.519.588)	(35.636.875.956)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		440.578.011.565	672.269.163.922
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.084.065.645.499</b>	<b>2.906.643.629.169</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.028.883.831.172	1.860.671.443.645
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		177.678.908.481	63.610.678.720
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.000.000.000	104.200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.093.621.431.766	1.124.527.521.585
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(220.272.475.139)	(246.729.041.840)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		153.949.219	363.027.059
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>2.111.126.553.972</b>	<b>1.854.862.342.903</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.132.225.476.583	1.869.533.076.685
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.098.922.611)	(14.670.733.782)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>121.189.002.173</b>	<b>42.326.549.500</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		22.061.300.137	15.748.235.351
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		89.059.897.616	14.874.139.858
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		10.067.804.420	11.704.174.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.142.484.787.442</b>	<b>6.313.207.934.674</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>21.248.160.790</b>	<b>79.226.298.470</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	6.740.871.000	75.339.914.100
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	917.100.000
216	3. Phải thu dài hạn khác		14.507.289.790	2.969.284.370
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.475.031.456.984</b>	<b>3.043.665.083.104</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.957.253.210.510	2.880.913.600.506
222	Nguyên giá		7.308.172.013.214	5.058.980.927.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.350.918.802.704)	(2.178.067.327.304)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	517.778.246.474	162.751.482.598
228	Nguyên giá		545.954.631.609	179.420.477.939
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.176.385.135)	(16.668.995.341)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>232.999.531.823</b>	<b>218.930.439.828</b>
231	1. Nguyên giá		281.417.151.884	249.527.882.070
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(48.417.620.061)	(30.597.442.242)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.040.166.644.660</b>	<b>265.956.309.343</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.040.166.644.660	265.956.309.343
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>1.738.906.286.546</b>	<b>1.672.377.287.976</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.552.461.933.298	1.207.984.753.588
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.229.751.878	95.417.309.831
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.222.933.776)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		179.214.601.370	370.198.158.333
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.634.132.706.639</b>	<b>1.033.052.515.953</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	462.369.597.625	428.834.930.386
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	15.928.367.193	11.592.718.157
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	603.026.667
269	4. Lợi thế thương mại	17	1.155.834.741.821	592.021.840.743
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>17.246.488.172.330</b>	<b>13.760.785.982.692</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.281.533.631.570</b>	<b>7.603.987.514.057</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.826.523.433.296</b>	<b>4.764.444.793.235</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	2.046.857.839.671	850.417.170.698
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.552.367.016	183.618.552.087
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	150.777.805.599	76.935.295.527
314	4. Phải trả người lao động		159.314.218.777	162.643.056.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		61.715.994.358	46.121.959.412
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		43.766.082.272	40.748.892.189
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	413.402.868.132	495.219.073.115
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	21	3.741.916.931.534	2.746.317.989.552
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		53.211.347.173	93.132.353.140
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		55.007.978.764	69.290.450.947
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.455.010.198.274</b>	<b>2.839.542.720.822</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		44.731.618.150	45.835.022.150
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	36.653.237.222	119.631.176.007
338	3. Vay và nợ dài hạn	21	2.131.746.164.514	2.533.868.797.654
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	168.897.718.656	47.359.952.697
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		72.981.459.732	61.136.827.197
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	31.710.945.117
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>7.964.954.540.760</b>	<b>6.156.798.468.635</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>7.956.324.379.625</b>	<b>6.146.583.773.962</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.065.600.000.000	2.668.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.065.600.000.000	2.668.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		547.112.000.000	622.337.724.760
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		236.031.851	48.866.128
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		77.023.242.245	77.023.242.245
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		846.596.655.014	785.974.270.959
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		165.793.082.055	148.693.053.445
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		680.803.572.959	637.281.217.514
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.342.367.486.938	1.915.810.706.293
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>8.630.161.135</b>	<b>10.214.694.673</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		8.630.161.135	10.266.717.673
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>17.246.488.172.330</b>	<b>13.760.785.982.692</b>



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	13.828.715.331.881	12.094.756.795.679
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(129.585.819.594)	(110.615.725.882)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	13.699.129.512.287	11.984.141.069.797
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(11.483.443.422.289)	(9.997.817.551.567)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.215.686.089.998	1.986.323.518.230
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	756.601.575.240	321.755.959.053
22	7. Chi phí tài chính	25	(542.466.344.992)	(435.264.930.396)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(447.395.281.623)	(367.135.076.972)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		51.627.035.708	21.762.126.462
25	9. Chi phí bán hàng	26	(347.473.303.870)	(261.312.019.780)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(643.744.982.432)	(528.718.560.765)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.490.230.069.652	1.104.546.092.804
31	12. Thu nhập khác		56.557.890.328	48.225.613.845
32	13. Chi phí khác		(13.714.653.333)	(8.151.407.203)
40	14. Lợi nhuận khác		42.843.236.995	40.074.206.642
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.533.073.306.647	1.144.620.299.446
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(260.360.179.854)	(346.887.119.179)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	10.770.230.430	108.369.094.148
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.283.483.357.223	906.102.274.415
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		942.442.353.541	637.281.217.514
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	341.041.003.682	268.821.056.901

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.537	1.740
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.484	1.634



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.533.073.306.647</b>	<b>1.144.620.299.446</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		495.974.869.059 (73.790.784.320)	317.791.856.398 5.971.972.873
03	Các khoản dự phòng			
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.247.274.550)	2.279.804.188
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(730.939.833.678)	(251.002.671.814)
06	Chi phí lãi vay	25	447.395.281.623	367.135.076.972
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.669.465.564.781</b>	<b>1.586.796.338.063</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(600.507.604.650)	320.297.235.539
10	Tăng hàng tồn kho		(206.537.181.645)	(180.152.992.826)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		903.882.950.960	(118.205.565.418)
12	Tăng chi phí trả trước		(19.596.937.459)	(125.150.325.840)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(477.578.621.262)	(709.958.990.922)
14	Tiền lãi vay đã trả		(441.009.473.921)	(380.604.353.835)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(227.314.019.974)	(333.737.726.193)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.890.182.053	9.950.087.949
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(111.298.668.651)	(99.747.083.044)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>493.396.190.232</b>	<b>(30.513.376.527)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.062.085.278.353)	(321.461.088.860)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		52.667.963.477	21.847.792.178
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(731.227.914.280)	(1.887.969.401.933)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.213.786.006.950	515.179.880.069
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.140.584.846.191)	(1.855.039.412.447)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.057.517.133.635	860.580.707.486
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		241.389.118.202	206.924.162.788
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.368.537.816.560)</b>	<b>(2.459.937.360.719)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		1.195.112.000.000	1.549.250.173.028
32	Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		(224.441.613.184)	-
33	Tiền thu từ đi vay		8.344.266.329.029	8.224.544.519.876
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.134.320.245.909)	(8.602.022.335.891)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(479.264.481.846)	(495.512.817.241)
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ</i>		(338.648.230.000)	(232.049.645.000)
	<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát</i>		(140.616.251.846)	(263.463.172.241)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		701.351.988.090	676.259.539.772
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(173.789.638.238)	(1.814.191.197.474)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.097.517.266.477	2.912.224.131.908
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(60.530.237)	(515.667.957)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	923.667.098.002	1.097.517.266.477

Dương Việt Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 83 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng Gelex")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
2	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX ("Gelex Electric") [trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện]	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Logistics ("Gelex Logistics")	100%	100%	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("Gelex Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH GELEX Campuchia ("Gelex Campuchia")	100%	100%	Số 4B đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Gelex Electric:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	91,64%	91,64%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	66,16%	66,16%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	78,52%	78,52%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện
4	Công ty TNHH Thiết bị Đo điện EMIC ("Gelex Emic")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, khu công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100%	100%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
3	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Thibidi:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Công ty Năng lượng Gelex:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	71,28%	71,28%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận") (*)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng (*)	84,62%	84,62%	Tầng 3, số nhà 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất điện gió

(\*) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

Công ty Gelex Logistics:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, phường 4, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
3	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải
4	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
5	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ
6	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	84%	84%	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh hoạt động vận tải đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường thủy
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
8	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, tỉnh Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
10	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	100%	100%	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Ngoài ra, Tập đoàn có các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang             | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

*Quyền khai thác mặt nước*

Quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc Tập đoàn mua lại công ty con và được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị của quyền khai thác mặt nước hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền khai thác mặt nước	43 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị, tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau năm 2003) với thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các khoản dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.17 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền**

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- ▶ Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu.  
*Trong đó:*
  - Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
  - Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
  - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng Quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
  - Giá trị phát hành chứng quyền tương ứng với số lượng chứng quyền thực hiện; và
  - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**3.19 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con theo quy chế tài chính của Tổng Công ty và các công ty con và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.20 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trên cơ sở sản lượng phát điện được đối soát hàng tháng và xác nhận giữa bên bán điện và bên mua điện, theo đơn giá quy định trên hợp đồng mua bán điện.

*Doanh thu cung cấp nước sạch*

Doanh thu cung cấp nước sạch được xác định trên cơ sở sản lượng nước cung ứng được đối soát hàng tháng và xác nhận giữa bên bán và bên mua, theo đơn giá quy định trên hợp đồng mua bán nước sạch.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.21 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.21 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.23 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh năng lượng (điện và nước) và các dịch vụ khác.

#### 3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH**

**4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Sotrans**

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày mua, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (\*);
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex.

(\*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans. Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Sotrans tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Sotrans (tiếp theo)

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Đơn vị tính: VND Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
<b>Tài sản</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	468.963.768.204	-	468.963.768.204
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.340.032.081	-	40.340.032.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.175.317.905	-	298.175.317.905
Tài sản ngắn hạn khác	35.904.463.030	-	35.904.463.030
Tài sản cố định	513.715.819.913	-	513.715.819.913
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.638.500.464	-	131.638.500.464
Đầu tư vào công ty liên kết	495.850.002.415	-	495.850.002.415
Đầu tư vào đơn vị khác	321.813.266.614	525.695.858.025	847.509.124.639
Chi phí trả trước dài hạn	115.669.919.275	-	115.669.919.275
Tài sản dài hạn khác	4.665.620.636	-	4.665.620.636
	<b>2.426.736.710.537</b>	<b>525.695.858.025</b>	<b>2.952.432.568.562</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Phải trả người bán	93.203.487.028	-	93.203.487.028
Vay và nợ	694.674.606.914	-	694.674.606.914
Phải trả khác	258.229.012.854	-	258.229.012.854
Thuế hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	36.600.178.509	105.139.171.605	141.739.350.114
	<b>1.082.707.285.305</b>	<b>105.139.171.605</b>	<b>1.187.846.456.910</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]</b>	<b>1.344.029.425.232</b>	<b>420.556.686.420</b>	<b>1.764.586.111.652</b>
Cổ đông không kiểm soát [b]	851.474.434.731	259.595.313.727	1.111.069.748.458
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	667.422.005.234	(160.961.372.693)	506.460.632.541
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a – b + c]</b>	<b>1.159.976.995.735</b>	-	<b>1.159.976.995.735</b>
<i>Trong đó:</i>			
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	580.177.437.735	-	580.177.437.735
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	579.799.558.000	-	579.799.558.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

**4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Sotrans (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tiền thu về từ công ty con	468.963.768.204	-	468.963.768.204
Tiền chi để mua công ty con	(580.177.437.735)	-	(580.177.437.735)
<b>Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>	<b>(111.213.669.531)</b>	<b>-</b>	<b>(111.213.669.531)</b>

**4.2 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Phú Thạnh Mỹ**

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX, công ty con được sở hữu 100% bởi Tổng Công ty, đã hoàn tất việc mua 65% cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ"). Theo đó, Công ty Phú Thạnh Mỹ trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Phú Thạnh Mỹ là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện (thuộc dự án Thủy Điện Sông Bung 4A). Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Phú Thạnh Mỹ với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Phú Thạnh Mỹ. Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Phú Thạnh Mỹ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý

**Tài sản**

Tiền và các khoản đương tiền	233.187.871.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.465.944.265
Tài sản ngắn hạn khác	2.143.514.440
Tài sản cố định hữu hình	1.404.378.097.651
Tài sản dài hạn khác	6.034.095.684

**1.699.209.523.490**

**Nợ phải trả**

Phải trả người bán	116.238.105.048
Vay và nợ	1.011.777.823.000
Phải trả khác	50.070.940.721
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.641.596.609

**1.180.728.465.378**

**Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]**

**518.481.058.112**

Cổ đông không kiểm soát [b]

181.468.370.340

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]

70.494.847.878

**Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]**

**407.507.535.650**

Trong đó:

Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua 113.286.200.000

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối 294.221.335.650

**Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con**

Tiền thu về từ công ty con	233.187.871.450
Tiền chi để mua công ty con	(113.286.200.000)

**Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua**

**119.901.671.450**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và thoái vốn tại Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam"), trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I, thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty K.I.P Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty K.I.P Việt Nam thành 72,40% và theo đó, Công ty K.I.P Việt Nam trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty K.I.P Việt Nam là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 số 0500447942 được cấp ngày 31 tháng 5 năm 2018. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty K.I.P Việt Nam là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty K.I.P Việt Nam với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty K.I.P Việt Nam. Sau đó, trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền	21.184.202.902
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.910.006.124
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.575.137.931
Hàng tồn kho	21.123.929.521
Tài sản cố định	31.101.148.183
Tài sản dài hạn khác	852.209.856
	<b>128.746.634.517</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả người bán	21.865.157.256
Phải trả khác	14.083.858.390
	<b>35.949.015.646</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]</b>	<b>92.797.618.871</b>
Cổ đông không kiểm soát [b]	25.846.171.891
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh ( <i>Thuyết minh số 17</i> ) [c]	5.942.330.107
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a – b + c]</b>	<b>72.893.777.087</b>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua</i>	27.200.209.205
<i>Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối</i>	45.693.567.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 **Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và thoái vốn tại Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con**

Tiền thu về từ công ty con	21.184.202.902
Tiền chi để mua công ty con	(27.200.209.205)

<b>Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>	<b><u>(6.016.006.303)</u></b>
--	-------------------------------

Sau đó, vào ngày 24 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn đã hoàn thành việc bán 71,13% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam với tổng số tiền thu được là 237,6 tỷ VND. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lãi là 138,8 tỷ VND từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

4.4 **Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Chế tạo Điện máy Việt Nam - Hungari**

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari ("Vihem") thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vihem. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phiếu của Công ty Vihem (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty Vihem trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vihem với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vihem. Sau đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Vihem tại ngày mua và giá trị hợp lý được xác định này không thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây. Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

**4.4 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Chế tạo Điện máy Việt Nam – Hungari (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý

**Tài sản**

Tiền	158.459.577.909
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.704.364.688
Hàng tồn kho	37.663.992.543
Tài sản ngắn hạn khác	946.882.444
Tài sản cố định	7.652.587.425
Tài sản dài hạn khác	5.341.546.364
	<b>242.768.951.373</b>

**Nợ phải trả**

Phải trả người bán	10.203.401.593
Vay và nợ	63.822.970.154
Phải trả khác	80.830.190.783
	<b>154.856.562.530</b>

**Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]**

Cổ đông không kiểm soát [b]	87.912.388.843
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	30.444.060.256
	<b>25.224.721.413</b>

**Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán**

<b>[d] = [a – b + c]</b>	<b>82.693.050.000</b>
--------------------------	-----------------------

Trong đó:

Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	65.550.000.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	17.143.050.000

**Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con**

Tiền thu về từ công ty con	158.459.577.909
Tiền chi để mua công ty con	(65.550.000.000)
<b>Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua</b>	<b>92.909.577.909</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 **Mua và thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội**

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty Cadivi Đồng Nai (một công ty con của Công ty Cadivi, công ty con của Tổng công ty) đã hoàn tất việc mua 1.618.000 cổ phiếu (tương đương 24,89% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Nhựa Hà Nội"). Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Cadivi Đồng Nai từ ngày này.

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2018, Công ty Cadivi Đồng Nai đã hoàn tất việc mua thêm 1.752.700 cổ phiếu (tương đương với 26,96% vốn điều lệ) của Công ty Nhựa Hà Nội. Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBNN ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại Tổ 19, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội và các giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 ngày 13 tháng 2 năm 2019. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp; sản xuất, kinh doanh các thiết bị, vật tư, hóa chất dùng để sản xuất nhựa. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với mục đích hỗ trợ phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Nhựa Hà Nội tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản đang tiền	66.046.424.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	130.561.682.260
Hàng tồn kho	68.565.863.466
Tài sản ngắn hạn khác	59.581.793.335
Tài sản cố định hữu hình	107.145.374.092
Tài sản dài hạn khác	13.863.767.340
	<b>445.764.904.522</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả người bán	55.295.476.210
Vay và nợ	36.910.406.128
Phải trả khác	47.229.668.291
	<b>139.435.550.629</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]</b>	<b>306.329.353.893</b>
Cổ đông không kiểm soát [b]	114.518.594.087
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	132.944.068.049
	<b>324.754.827.855</b>
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a – b + c]</b>	
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua</i>	169.389.253.325
<i>Giá trị hợp lý tạm tính của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối</i>	155.365.574.530
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	66.046.424.029
Tiền chi để mua công ty con	(169.389.253.325)
	<b>(103.342.829.296)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)**

**4.5 *Mua và thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (tiếp theo)***

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2018, Công ty Cadivi Miền Bắc, công ty con của Tập đoàn đã hoàn thành giao dịch chuyển nhượng toàn bộ 51,86% cổ phần trong Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với tổng số tiền thu được là 341,7 tỷ VND. Tập đoàn đã ghi nhận một khoản lãi là 21,4 tỷ VND từ giao dịch này. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Tại ngày mua và cho đến ngày thanh lý Công ty Nhựa Hà Nội, Tập đoàn trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Nhựa Hà Nội tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội.

Kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2018 (ngày mua) đến ngày thanh lý, Công ty Nhựa Hà Nội đã đóng góp 35.765.705.951 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Nhựa Hà Nội từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018 tương ứng là 428.403.062.859 VND và 25.697.805.385 VND.

**4.6 *Mua Công ty Viwasupco***

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2018, Công ty Năng lượng GELEX, một công ty con của Tổng Công ty, đã hoàn thành việc mua 12.340.000 cổ phiếu (tương đương với 24,68% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco. Qua đó, Công ty Viwasupco đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ ngày này. Sau đó, vào ngày 26 tháng 2 năm 2018, Công ty Năng lượng GELEX đã mua thêm 11.210.000 cổ phiếu (tương đương với 22,42% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco, nâng tổng số cổ phần nắm giữ trong Công ty Viwasupco lên mức 47,1%.

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2018 (ngày mua), Công ty Năng lượng GELEX đã tiếp tục mua thêm 2.130.000 cổ phiếu (tương đương với 4,26% vốn điều lệ) trong Công ty Viwasupco, nâng tổng số cổ phần sở hữu trong Công ty Viwasupco lên mức 51,36%. Theo đó, Công ty Viwasupco đã trở thành công ty con của Tập đoàn từ ngày này. Sau đó, Công ty Năng lượng GELEX đã tiếp tục mua thêm 9,1% sở hữu trong công ty Viwasupco, nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Viwasupco lên 60,46%.

Công ty Viwasupco là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5400310161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2018. Công ty Viwasupco có trụ sở chính tại xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hoạt động chính tại của Công ty Viwasupco là sản xuất và kinh doanh nước sạch. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Viwasupco với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Viwasupco tại ngày mua được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.6 Mua Công ty Viwasupco (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản</b>			
Tiền và các khoản đương tiền	189.156.985.761	-	189.156.985.761
Các khoản phải thu ngắn hạn	79.252.497.266	-	79.252.497.266
Hàng tồn kho	61.456.794.458	-	61.456.794.458
Tài sản ngắn hạn khác	354.426.458	-	354.426.458
Tài sản cố định	654.838.913.953	695.670.579.670	1.350.509.493.623
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.289.287.618	-	131.289.287.618
Tài sản dài hạn khác	6.333.489.031	-	6.333.489.031
	<b>1.122.682.394.545</b>	<b>695.670.579.670</b>	<b>1.818.352.974.215</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Phải trả người bán	8.556.275.788	-	8.556.275.788
Vay và nợ	201.961.192.022	-	201.961.192.022
Phải trả khác	20.876.170.438	-	20.876.170.438
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	127.972.347.353	127.972.347.353
	<b>231.393.638.248</b>	<b>127.972.347.353</b>	<b>359.365.985.601</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]</b>	<b>891.288.756.297</b>	<b>567.698.232.317</b>	<b>1.458.986.988.614</b>
Cổ đông không kiểm soát [b]	433.522.851.065	276.128.420.199	709.651.271.264
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	795.574.010.768	(291.569.812.118)	504.004.198.650
	<b>1.253.339.916.000</b>	-	<b>1.253.339.916.000</b>
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a - b + c]</b>			
Trong đó:			
Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua	104.099.916.000	-	104.099.916.000
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối	1.149.240.000.000	-	1.149.240.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.6 *Mua Công ty Viwasupco* (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con</b>			
Tiền thu về từ công ty con	189.156.985.761	-	189.156.985.761
Tiền chi để mua công ty con	(104.099.916.000)	-	(104.099.916.000)
<b>Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua</b>	<b>85.057.069.761</b>	<b>-</b>	<b>85.057.069.761</b>

Kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2018 (ngày mua), Công ty Viwasupco đã đóng góp 189.164.970.465 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Viwasupco từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 28 tháng 3 năm 2018 tương ứng là 95.545.811.939 VND và 41.291.747.467 VND.

4.7 *Mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("Công ty MEE")*

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, Công ty Thibidi, công ty con của Tập đoàn, đã hoàn thành việc mua 6.000.000 cổ phiếu tương ứng với 50% cổ phần trong Công ty MEE với giá phí 284.580.000.000 VND. Qua đó, Công ty MEE đã trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Sau đó, vào ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty Thibidi đã mua thêm 120.000 cổ phiếu tương ứng với 1% cổ phần trong Công ty MEE, nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty MEE lên 51%. Theo đó, Công ty MEE trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty MEE là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106061404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2012. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 19 tháng 12 năm 2018. Công ty MEE có trụ sở chính tại số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty MEE là thiết kế, chế tạo, buôn bán các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty MEE với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty MEE tại ngày mua được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.7 *Mua Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("Công ty MEE")* (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua

<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản đương tiền	80.417.881.891
Các khoản phải thu ngắn hạn	149.874.252.766
Hàng tồn kho	45.574.305.244
Tài sản ngắn hạn khác	16.109.683.977
Tài sản cố định hữu hình	163.129.201.083
Tài sản dài hạn khác	51.971.290.228
	<b>507.076.615.189</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả người bán	157.620.268.983
Vay và nợ	143.824.460.905
Phải trả khác	12.777.725.366
	<b>314.222.455.254</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]</b>	<b>192.854.159.935</b>
Cổ đông không kiểm soát [b]	53.181.149.170
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17) [c]	166.685.653.795
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh [d] = [a – b + c]</b>	<b>306.358.664.560</b>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá phí thanh toán bằng tiền tại ngày mua</i>	<i>6.091.200.000</i>
<i>Giá trị hợp lý tạm tính của khoản đầu tư nắm giữ trước ngày mua chi phối</i>	<i>300.267.464.560</i>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ trong năm từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	80.417.881.891
Tiền chi để mua công ty con	(6.091.200.000)
<b>Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua</b>	<b>74.326.681.891</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty MEE tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty MEE.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty MEE từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2018 tương ứng là 995.939.113.829 VND và 18.029.252.325 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.8. **Mua Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng (“Công ty Hướng Phùng”)**

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2018, Công ty Năng lượng Gelex, công ty con của Tập đoàn đã hoàn thành việc mua 84,62% phần vốn góp trong Công ty Hướng Phùng với tổng giá phí là 33 tỷ VND. Qua đó, Công ty Hướng Phùng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Hướng Phùng là một công ty TNHH được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3200677549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 8 tháng 11 năm 2018. Công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2018. Công ty Hướng Phùng có trụ sở chính tại tầng 3, số 242 quốc lộ 9, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động chính đăng ký của Công ty Hướng Phùng là sản xuất điện gió. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Hướng Phùng với mục đích phát triển mảng năng lượng.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá giao dịch mua Công ty Hướng Phùng là mua nhóm tài sản do Công ty Hướng Phùng chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh và đang trong giai đoạn phát triển dự án nhà máy điện gió. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Công ty Hướng Phùng tại ngày mua.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	14.390.215.648	10.646.240.768
Tiền gửi ngân hàng	659.909.282.354	592.954.818.636
Các khoản tương đương tiền (*) (**)	249.367.600.000	493.916.207.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>923.667.098.002</u></b>	<b><u>1.097.517.266.477</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

(\*\*) Một số khoản tương đương tiền đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Trái phiếu (i)	1.234.131.324.943	1.234.131.324.943	-	628.146.597.200	628.146.597.200	-
- Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
- Ủy thác đầu tư (iii)	152.359.395.764	138.679.395.764	(13.680.000.000)	124.903.826.847	101.929.470.527	(22.974.356.320)
- Chứng khoán niêm yết	127.872.558	10.352.970	(117.519.588)	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)
- Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	556.000.000	556.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.437.174.593.265</b>	<b>1.423.377.073.677</b>	<b>(13.797.519.588)</b>	<b>909.595.972.003</b>	<b>876.669.116.047</b>	<b>(35.636.875.956)</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	281.806.027.290	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,5% (*)	
	200.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 19 tháng 7 năm 2021	10,5% (*)	
	44.899.458.613	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021	10,3%-10,5% (*)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**6.1 Chứng khoán kinh doanh** (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	150.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hằng năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	10,2% (*)	
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5% (*)	
	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 18 tháng 4 năm 2020	10,7% (*)	
	25.746.506.840	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021	10,5% (*)	
	15.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hằng năm, đáo hạn vào ngày 9 tháng 3 năm 2021	9,5% (*)	
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	204.390.582.200	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn ngày 28 tháng 3 năm 2020	10,2% (*)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	52.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10,5% (*)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	60.288.750.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,6%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.234.131.324.943</u></b>			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu, tài sản cố định nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**6.1 Chứng khoán kinh doanh** (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản chứng chỉ quỹ như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	Thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>		

(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	80.192.688.833	(13.680.000.000)	Thời hạn không quá 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác. Khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tín chấp
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ	72.073.979.995	-	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu. Khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 18 tháng 7 năm 2019	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	92.726.936	-	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán, đáo hạn vào ngày 19 tháng 1 năm 2019	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>152.359.395.764</b>	<b>(13.680.000.000)</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	159.729.229.165	159.729.229.165	-	249.969.163.922	249.969.163.922	-
Trái phiếu (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-
Ủy thác đầu tư (iii)	265.848.782.400	265.848.782.400	-	422.300.000.000	422.300.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>440.578.011.565</b>	<b>440.578.011.565</b>	<b>-</b>	<b>672.269.163.922</b>	<b>672.269.163.922</b>	<b>-</b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,5% đến 7%/năm.
- (ii) Đây là trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (là bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29) với kỳ hạn 2 năm, nhận lãi 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019 và hưởng mức lãi suất 9,5%/năm. Khoản trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ (là bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 29) với thời hạn không quá mười hai tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng	1.904.038.395.958	1.826.893.952.505
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	206.778.295.075	209.836.034.793
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	131.347.390.333	-
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	122.063.764.217	76.003.768.972
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.443.848.946.333	1.541.054.148.740
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	124.845.435.214	33.777.491.140
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.028.883.831.172</u></b>	<b><u>1.860.671.443.645</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(204.113.923.665)	(223.861.019.844)
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng	6.740.871.000	75.339.914.100
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Sơn La	952.952.000	149.749.600
- Công ty Điện lực Nam Định	1.005.884.000	829.854.300
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.005.884.000	1.383.090.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.641.978.000	68.148.059.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.740.871.000</u></b>	<b><u>75.339.914.100</u></b>

(\*) Một số khoản phải thu đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.1.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh mua cổ phần (i)	855.603.950.000	-	947.258.640.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	53.109.364.258	(1.430.246.060)	29.481.714.082	(1.430.246.060)
Phải thu tiền lãi từ hoạt động đầu tư	50.758.469.850	(94.500.000)	52.136.498.968	(67.500.000)
Ký quỹ, ký cược	67.203.898.039	-	37.256.604.996	-
Phải thu cổ tức	-	-	2.764.855.000	-
Phải thu khác	66.945.749.619	(3.027.114.324)	55.629.208.539	(3.123.214.730)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.093.621.431.766</u></b>	<b><u>(4.551.860.384)</u></b>	<b><u>1.124.527.521.585</u></b>	<b><u>(4.620.960.790)</u></b>

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

- Các khoản đặt cọc với số tiền là 483,5 tỷ VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện.
- Các khoản đặt cọc và hợp tác kinh doanh với số tiền là 327,1 tỷ VND cho một số cá nhân và tổ chức doanh nghiệp để mua cổ phần của một số công ty trong lĩnh vực năng lượng.

Trong trường hợp giao dịch không thực hiện thành công, Tập đoàn sẽ nhận lại toàn bộ số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh cùng một khoản lãi theo lãi suất 10%/năm tính trên số tiền đặt cọc/hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-	106.348.046.487	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.095.503.040	-	14.105.503.040	-
Các khoản khác	92.908.633.075	8.839.147.006	152.768.220.534	42.252.167.764
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>229.111.622.145</b>	<b>8.839.147.006</b>	<b>288.981.209.604</b>	<b>42.252.167.764</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	793.361.053.032	(17.203.245.993)	932.874.212.579	(12.195.136.725)
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	771.777.340.892	(3.243.290.245)	663.998.822.591	(2.456.391.240)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	346.125.001.737	(652.386.373)	241.124.488.671	(14.848.918)
Hàng mua đang đi đường	187.644.269.464	-	22.770.837.372	-
Hàng hoá	25.249.473.568	-	3.296.838.753	(3.706.899)
Công cụ, dụng cụ	5.653.019.425	-	4.269.010.086	(650.000)
Hàng gửi bán	2.415.318.465	-	1.198.866.633	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.132.225.476.583</b>	<b>(21.098.922.611)</b>	<b>1.869.533.076.685</b>	<b>(14.670.733.782)</b>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.670.733.782	5.999.727.151
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.459.683.954	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	21.436.052.956	10.860.813.764
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(17.467.548.081)	(2.189.807.133)
Số cuối năm	21.098.922.611	14.670.733.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	2.149.932.525.828	1.974.550.802.994	887.808.765.836	46.688.833.152	5.058.980.927.810
- Mua trong năm	-	133.823.522.194	20.874.621.272	4.293.933.349	158.992.076.815
- Đầu tư XD CB hoàn thành	39.127.308.889	115.263.991.116	63.934.906.567	-	218.326.206.572
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.717.079.286.326	240.662.160.458	4.173.460.866	835.443.219	1.962.750.350.869
- Phân loại lại	-	(239.267.000)	-	239.267.000	-
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XD CB hoàn thành	986.898.713	(3.775.736.242)	-	-	(2.788.837.529)
- Thanh lý, nhượng bán	(14.884.597.671)	(16.438.956.411)	(23.098.649.847)	(965.654.669)	(55.387.858.598)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	(19.867.126.145)	(2.783.909.018)	-	(9.238.234.651)	(31.889.269.814)
- Giảm khác	(29.448.502)	(674.116.920)	(92.589.940)	(15.427.549)	(811.582.911)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.872.344.847.438</b>	<b>2.440.388.491.171</b>	<b>953.600.514.754</b>	<b>41.838.159.851</b>	<b>7.308.172.013.214</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	154.434.980.061	536.974.035.995	333.918.724.309	14.114.803.050	1.039.442.543.415
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	606.891.232.107	942.555.417.611	604.637.260.353	23.983.417.233	2.178.067.327.304
- Khấu hao trong năm	127.809.673.660	170.969.005.834	62.848.231.036	3.804.981.278	365.431.891.808
- Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	770.466.123.837	81.840.192.948	(1.693.866.055)	(100.870.285)	850.511.580.445
- Thanh lý, nhượng bán	(12.673.405.983)	(8.768.105.480)	(16.495.443.043)	(965.654.669)	(38.902.609.175)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	(1.255.393.153)	(485.053.503)	-	(2.421.731.616)	(4.162.178.272)
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	(39.877.830)	-	39.877.830	-
- Tăng khác	-	-	(29.251.966)	2.042.560	(27.209.406)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.491.238.230.468</b>	<b>1.186.071.579.580</b>	<b>649.266.930.325</b>	<b>24.342.062.331</b>	<b>3.350.918.802.704</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	1.543.041.293.721	1.031.995.385.383	283.171.505.483	22.705.415.919	2.880.913.600.506
Số dư cuối năm	2.381.106.616.970	1.254.316.911.591	304.333.584.429	17.496.097.520	3.957.253.210.510

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mặt nước	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số dư đầu năm	167.678.769.919	-	11.741.708.020	179.420.477.939
- Mua trong năm	-	-	5.280.950.200	5.280.950.200
- Tăng/(giảm) do hợp nhất kinh doanh	(3.800.000.000)	384.184.174.786	(3.188.681.049)	377.195.493.737
- Thanh lý, nhượng bán	(15.942.290.267)	-	-	(15.942.290.267)
Số dư cuối năm	<u>147.936.479.652</u>	<u>384.184.174.786</u>	<u>13.833.977.171</u>	<u>545.954.631.609</u>
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	-	-	2.438.070.719	2.438.070.719
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số dư đầu năm	9.878.145.277	-	6.790.850.064	16.668.995.341
- Hao mòn trong năm	1.019.825.724	8.124.473.090	1.631.734.140	10.776.032.954
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	731.356.840	731.356.840
Số dư cuối năm	<u>10.897.971.001</u>	<u>8.124.473.090</u>	<u>9.153.941.044</u>	<u>28.176.385.135</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số dư đầu năm	<u>157.800.624.642</u>	-	<u>4.950.857.956</u>	<u>162.751.482.598</u>
Số dư cuối năm	<u>137.038.508.651</u>	<u>376.059.701.696</u>	<u>4.680.036.127</u>	<u>517.778.246.474</u>

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	159.963.712.056	89.564.170.014	249.527.882.070
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	19.867.126.145	12.022.143.669	31.889.269.814
Số dư cuối năm	179.830.838.201	101.586.313.683	281.417.151.884
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	11.281.439.941	19.316.002.301	30.597.442.242
Khấu hao trong năm	3.620.325.526	10.037.674.021	13.657.999.547
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	1.255.393.153	2.906.785.119	4.162.178.272
Số dư cuối năm	16.157.158.620	32.260.461.441	48.417.620.061
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	148.682.272.115	70.248.167.713	218.930.439.828
Số dư cuối năm	163.673.679.581	69.325.852.242	232.999.531.823

(\*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	510.228.526.193	-
Dự án điện mặt trời Ninh Thuận	166.411.961.023	2.617.157.739
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.443.482.364	127.243.482.364
Dự án nâng cao năng lực sản xuất tại Nhà máy Cadivi Miền Trung	104.743.314.342	-
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	62.418.489.531	110.341.688.319
Xây dựng cơ bản dở dang khác	68.920.871.207	25.753.980.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.040.166.644.660</b>	<b>265.956.309.343</b>

(\*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m<sup>2</sup> tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	1.552.461.933.298	-	1.552.461.933.298	1.207.984.753.588	-	1.207.984.753.588
Đầu tư vào đơn vị khác	7.229.751.878	-	11.105.339.440	95.417.309.831	(1.222.933.776)	94.194.376.055
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 15.2)	179.214.601.370	-	179.214.601.370	370.198.158.333	-	370.198.158.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.738.906.286.546</b>	<b>-</b>	<b>1.742.781.874.108</b>	<b>1.673.600.221.752</b>	<b>(1.222.933.776)</b>	<b>1.672.377.287.976</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SCI Nghệ An (i)	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT (ii)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 27,39	50,00	(*) 27,39	50,00
Công ty TNHH SAS CTAMAD (v)	(*) 23,14	35,00	(*) 23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco - Eco 747) (vi)	(*) 22,65	49,00	(*) 22,65	49,00
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (vii)	(*) 17,10	37,00	(*) 17,10	37,00
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans (viii)	(*) 13,42	24,50	(*) 13,42	24,50
Công ty Cổ phần MHC (ix)	(*) 12,60	23,00	(*) 12,60	23,00
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (x)	(*) 12,14	26,27	(*) 12,10	26,27
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (xi)	(*) 19,59	24,95	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1 (xii)	-	-	(*) 22,23	34,00
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2 (xii)	-	-	(*) 22,23	34,00
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (xii)	-	-	(*) 19,85	24,89
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín (xii)	-	-	(*) 13,59	20,00

(\*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

- (i) Công ty TNHH SCI Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2901147160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 31 tháng 8 năm 2018. Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: bản Huồi Thờ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng các công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện.
- (ii) Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn giấy phép (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- (iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản.
- (v) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCND3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.
- (vi) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- (vii) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại đường A5, khu phố 5, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (viii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco - Sotrans là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, đường Nguyễn Văn Giai, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.
- (ix) Công ty Cổ phần MHC là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và lần thay đổi gần nhất lần thứ 27 ngày 29 tháng 10 năm 2018. Công ty này có trụ sở chính tại tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.
- (x) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, phường 15, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- (xi) Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần tiền thân là Công ty Sản xuất thiết bị điện được thành lập ngày 5/12/1981 theo Quyết định số 056/NL-TCCB của Bộ Năng lượng. Từ ngày 10 tháng 05 năm 2011, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận công nhận là Công ty đại chúng. Công ty này có trụ sở chính tại 189 Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất máy biến áp truyền tải, máy biến áp trung gian, máy biến áp phân phối và thiết bị điện khác.
- (xii) Đã thoái vốn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Tổng Công ty Thiết bị điện							
Đông Anh - CTCP	-	-	-	468.497.825.645	14.050.118.649	-	482.547.944.294
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	376.236.727.111	-	-	-	11.591.875.449	(25.157.238.797)	362.671.363.763
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	280.490.951.239	-	-	-	38.531.427.977	(26.720.955.432)	292.301.423.784
Công ty TNHH SCI Nghệ An	156.065.000.000	-	-	-	(323.439.148)	-	155.741.560.852
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	155.560.992.000	(159.624.370.677)	-	-	4.063.378.677	-	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	110.355.615.795	-	-	-	17.830.471.682	-	128.186.087.477
Công ty Cổ phần MHC	102.583.930.149	-	-	-	5.332.239.296	-	107.916.169.445
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	9.977.284.940	-	-	-	(431.469)	-	9.976.853.471
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	9.950.599.789	-	-	-	(8.302.188)	-	9.942.297.601
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	3.166.915.203	-	-	-	11.317.408	-	3.178.232.611
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	1.471.058.808	-	(1.471.058.808)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 2	1.026.385.012	-	(996.235.340)	-	(23.481.932)	(6.667.740)	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 1	1.099.293.542	-	(1.018.568.532)	-	52.629.790	(133.354.800)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	-	(927.209.231.031)	-	914.671.782.745	12.537.448.286	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.207.984.753.588</b>	<b>(1.086.833.601.708)</b>	<b>(3.485.862.680)</b>	<b>1.383.169.608.390</b>	<b>103.645.252.477</b>	<b>(52.018.216.769)</b>	<b>1.552.461.933.298</b>

(\*) Trong năm, Tập đoàn có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tập đoàn sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào các công ty liên kết do các công ty con này nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	11.113.300.000	11.113.300.000	14.058.158.333	14.058.158.333
Đầu tư trái phiếu (**)	168.101.301.370	168.101.301.370	356.140.000.000	356.140.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.214.601.370</b>	<b>179.214.601.370</b>	<b>370.198.158.333</b>	<b>370.198.158.333</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,3% đến 6,8%/năm.

(\*\*) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An") và Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More ("Công ty Eco&More") với chi tiết như sau:

- 40 trái phiếu của Công ty Eco&More (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2021, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.
- 50 trái phiếu của Công ty Hải An (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 9 tháng 3 năm 2021, lãi trái phiếu là 9,5%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.
- 75 trái phiếu của Công ty Hải An (mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu), kỳ hạn 3 năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, được thanh toán 12 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước (*)	389.276.550.507	358.228.266.514
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.320.411.821	17.379.633.314
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	10.679.164.392	6.637.856.557
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.675.788.012	12.209.411.176
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	7.672.782.856	5.086.514.073
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.744.900.037	29.293.248.752
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>462.369.597.625</b>	<b>428.834.930.386</b>

(\*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans (Trình bày lại)	Công ty Phú Thạnh Mỹ	Công ty K.I.P Việt Nam	Công ty Vihem	Công ty Viwasupco	Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Thibidi	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>									
Số đầu năm (Trình bày lại)	506.460.632.541	70.494.847.878	5.942.330.107	25.224.721.413	-	-	-	32.629.220.995	640.751.752.934
Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	504.004.198.650	132.944.068.049	166.685.653.795	-	803.633.920.494
Giảm do thoái vốn ở công ty con	-	-	(5.942.330.107)	-	-	(132.944.068.049)	-	-	(138.886.398.156)
Số cuối năm	506.460.632.541	70.494.847.878	-	25.224.721.413	504.004.198.650	-	166.685.653.795	32.629.220.995	1.305.499.275.272
<b>Phân bổ lũy kế:</b>									
Số đầu năm	(37.984.547.441)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(1.261.236.070)	-	-	-	(3.262.922.100)	(48.729.912.191)
Phân bổ trong năm	(50.646.063.254)	(7.049.484.788)	(297.116.505)	(2.522.472.142)	(37.800.314.899)	(6.167.127.601)	-	(3.262.922.100)	(107.745.501.289)
Giảm do thoái vốn ở công ty con	-	-	643.752.428	-	-	6.167.127.601	-	-	6.810.880.029
Số cuối năm	(88.630.610.695)	(12.924.055.445)	-	(3.783.708.212)	(37.800.314.899)	-	-	(6.525.844.200)	(149.664.533.451)
<b>Giá trị còn lại</b>									
Số đầu năm (Trình bày lại)	468.476.085.100	64.620.277.221	5.595.694.184	23.963.485.343	-	-	-	29.366.298.895	592.021.840.743
Số cuối năm	417.830.021.846	57.570.792.433	-	21.441.013.201	466.203.883.751	-	166.685.653.795	26.103.376.795	1.155.834.741.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	1.825.394.655.052	1.825.394.655.052	793.121.227.710	793.121.227.710
- Công ty LS Nikko Cooper Inc	936.161.405.673	936.161.405.673	123.229.240.206	123.229.240.206
- Công ty Mitsui & Co., Ltd	152.877.856.052	152.877.856.052	-	-
- Khác	736.355.393.327	736.355.393.327	669.891.987.504	669.891.987.504
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	221.463.184.619	221.463.184.619	57.295.942.988	57.295.942.988
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.046.857.839.671</b>	<b>2.046.857.839.671</b>	<b>850.417.170.698</b>	<b>850.417.170.698</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	12.239.590.669	521.028.148.137	(513.938.227.730)	19.329.511.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.429.726.345	267.095.597.048	(219.651.170.282)	101.874.153.111
Thuế thu nhập cá nhân	4.368.171.030	56.410.346.057	(51.198.672.539)	9.579.844.548
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.897.807.483	84.999.678.057	(70.903.188.676)	19.994.296.864
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.935.295.527</b>	<b>929.533.769.299</b>	<b>(855.691.259.227)</b>	<b>150.777.805.599</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	103.868.260.017	293.570.240.296
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	90.447.835.282	-
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	25.960.697.748	29.716.899.836
Nhận đặt cọc thực hiện dự án	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng quyền đặt mua (ii)	18.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	7.745.748.219	15.154.549.978
Khác	67.440.326.866	56.837.383.005
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>413.402.868.132</u></b>	<b><u>495.219.073.115</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chứng quyền đặt mua (ii)	-	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	36.151.111.022	29.050.625.007
Khác	502.126.200	580.551.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.653.237.222</u></b>	<b><u>119.631.176.007</u></b>

*Trong đó:*

<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>409.555.617.279</i>	<i>574.850.249.122</i>

- (i) Đây chủ yếu là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.
- (ii) Căn cứ theo Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCEĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông, trong năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.800 chứng quyền và mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với tổng giá trị phát hành là 90.000.000.000 VND. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phiếu. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong năm 2018, các bên nắm giữ chứng quyền đã thực hiện quyền mua cổ phiếu đợt 1 tương ứng với 1.440 chứng quyền ở mức giá là 16.600 VND/cổ phiếu (Xem thêm tại Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm		Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng	20.1	1.993.472.409.840	1.993.472.409.840	98.915.456.191	7.197.852.673.899	(7.011.946.851.977)	2.278.293.687.953	2.278.293.687.953
Vay từ đối tượng khác	20.3	60.201.109.653	60.201.109.653	14.450.000.000	162.864.596.500	(100.317.726.653)	137.197.979.500	137.197.979.500
Trái phiếu ngắn hạn		299.165.833.333	299.165.833.333	-	834.166.667	(300.000.000.000)	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	20.4	360.000.000.000	360.000.000.000	-	1.279.834.999.993	(441.000.000.000)	1.198.834.999.993	1.198.834.999.993
Vay dài hạn đến hạn trả	20.2	33.478.636.726	33.478.636.726	60.408.766.642	104.621.497.446	(70.918.636.726)	127.590.264.088	127.590.264.088
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.746.317.989.552</b>	<b>2.746.317.989.552</b>	<b>173.774.222.833</b>	<b>8.746.007.934.505</b>	<b>(7.924.183.215.356)</b>	<b>3.741.916.931.534</b>	<b>3.741.916.931.534</b>
<b>Vay và nợ dài hạn</b>								
Vay ngân hàng	20.2	1.111.954.559.812	1.111.954.559.812	208.921.836.222	293.554.688.028	(214.758.527.999)	1.399.672.556.063	1.399.672.556.063
Trái phiếu	20.4	1.421.914.237.842	1.421.914.237.842	-	689.994.370.602	(1.379.834.999.993)	732.073.608.451	732.073.608.451
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.533.868.797.654</b>	<b>2.533.868.797.654</b>	<b>208.921.836.222</b>	<b>983.549.058.630</b>	<b>(1.594.593.527.992)</b>	<b>2.131.746.164.514</b>	<b>2.131.746.164.514</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Biên Hoà - Đồng Nai	582.321.778.508	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 6 năm 2019	6,8% - 7,2%	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty Thibidi
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	357.971.141.259	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2019	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	300.614.272.009	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 4 năm 2019	5,4% - 7,2%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	286.732.570.636	Kỳ hạn vay là 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 23 tháng 2 năm 2019	5,8% - 6,1%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	153.187.912.266	Kỳ hạn vay từ 2 đến 3 tháng. Lãi vay trả khi đáo hạn. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 27 tháng 3 năm 2019	5,6%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	99.318.505.202	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 4 năm 2019	5,5% - 5,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	74.648.373.946	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 5 năm 2019	5,2% - 6,5%	Nhà xưởng của Công ty HEM



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	62.161.565.535	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2019	5,3% - 7,7%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Gelex Electric
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	52.114.176.545	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 1 năm 2019	5,4%	Tín chấp
Các ngân hàng khác	309.223.392.047	Kỳ hạn vay dưới 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2019	4,8% - 7,0%	Tín chấp hoặc được đảm bảo bằng một số tài sản của Tập đoàn
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.278.293.687.953</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	821.464.823.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9% - 11%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	137.138.030.278	-	Thời gian cho vay 18 năm. Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2036. Lãi vay trả hàng quý	8,7% - 10%	Phân kỳ 1 dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m <sup>3</sup> và tài sản mua sử dụng cho Giai đoạn I của dự án trên của Công ty Viwasupco
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	130.150.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Toàn bộ số dư và tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước, quyền khai thác tài nguyên của Công ty Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	79.521.436.177	-	Nợ gốc được hoàn trả theo từng giấy nhận nợ với hạn trả gốc cuối cùng ngày 19 tháng 4 năm 2022. Lãi vay trả hàng quý	8,5%	Quyền tài sản của Công ty Cadivi phát sinh từ hợp đồng số 147/HĐ-EVN HANOI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	79.030.055.000	-	Kỳ hạn vay 7 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 1 năm 2023. Lãi vay trả hàng hàng quý.	8,8%	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, đường N7, khu công nghiệp ("KCN") Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế" của Công ty Cadivi
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	74.923.588.381	-	Thời gian cho vay 18 năm. Gốc vay đáo hạn lần cuối tháng 2 năm 2034. Lãi vay trả hàng quý	7% - 10%	Phân kỳ 1 dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m <sup>3</sup> của Công ty Viwasupco
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	61.038.429.362	-	Kỳ hạn vay 5 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 11 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	10,0%	Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư nhà máy sản xuất các loại máy biến thế điện, các bộ phận chi tiết máy biến thế của Công ty MEE tại KCN Nhơn Trạch III, Đồng Nai
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	67.069.299.933	-	Kỳ hạn vay 7 năm. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2024. Lãi vay trả hàng hàng tháng.	7,5%	Quyền sử dụng đất đai tại đường số 2, khu công nghiệp Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và máy móc thiết bị tại nhà máy Miền Trung của Công ty Cadivi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 2 (Hiệp định vay các nghiệp vụ thông thường - Khoản vay OCR)	50.382.218.280	2.167.444	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2034. Gốc và lãi trả 6 tháng một lần	1,5%	Một số phương tiện vận tải và hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Công ty Sowatco
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.825.921.640	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 29 tháng 10 năm 2025. Gốc và lãi trả hàng quý	9%	Phương tiện vận tải đang được xây dựng với giá trị hiện tại là 50.614.366.560 VND của Công ty Sowatco
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 2 (Hiệp định vay các nghiệp vụ đặc biệt - Khoản vay ADF)	6.388.036.620	274.813	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2041. Gốc và lãi trả 6 tháng một lần	1,0%	Một số phương tiện vận tải và hợp đồng tiền gửi với giá trị 50 tỷ VND thuộc sở hữu của Công ty Sowatco
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	6.330.981.480	-	Kỳ hạn vay 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 6 năm 2022	10,5%	Dây chuyền sản xuất cánh tản nhiệt cho máy biến áp của Công ty MEE
Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 3 năm. Lãi vay trả 6 tháng một lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2019	6,7%	Tài sản gắn liền với đất và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ VND của Công ty Cadivi
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.527.262.820.151</b>				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>127.590.264.088</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.399.672.556.063</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.3 Các khoản vay từ đối tượng khác**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	60.590.750.000	Kỳ hạn vay 60 ngày. Lãi trả khi đáo hạn ngày 22 tháng 2 năm 2019, nợ gốc được gia hạn thêm 60 ngày sau khi trả lãi	13,3%	1.000.000 cổ phiếu CAV mua từ khoản vay
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	47.866.692.500	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn ngày 25 tháng 3 năm 2019	11,7%	790.000 cổ phiếu CAV mua từ khoản vay
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh	14.450.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 11 năm 2019	6,8%	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	7.005.714.000	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2019	5% - 10,5%	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	6.804.823.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tín chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	480.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>137.197.979.500</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. **VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

21.4 **Trái phiếu phát hành dài hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
<b>Dài hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 12 năm 2016 (*)	1.080.000.000.000	9,3% - 9,7%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.440.000.000.000	9,3% - 9,5%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 5 năm 2018 (**)	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2020	-		
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của Tổng Công ty - Đợt tháng 4 năm 2018 (***)	300.000.000.000	9,50%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020	-		
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá của công ty con (****)	169.000.000.000	10,1% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021	350.000.000.000	10,15% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021
Chi phí phát hành trái phiếu	(18.091.391.556)			(8.085.762.158)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.930.908.608.444</b>			<b>1.781.914.237.842</b>		
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	1.198.834.999.993			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	732.073.608.451			1.421.914.237.842		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.4 Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

(\*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng. Tới ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tất toán một phần trái phiếu với tổng số tiền là 320 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- ▶ 3.946.969 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn, và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng. Tới ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tất toán trước một phần trái phiếu với tổng số tiền là 400 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ 20.000.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cadivi) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric, công ty con của Tập đoàn;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land.

(\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 005/2018/GELEX-SHBVN giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.
- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 004/2018/GELEX-HANABANK giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Keb Hana ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.
- ▶ Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 006/2018/GELEX-SSV giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 41.670.000 cổ phiếu STG (Công ty Sotrans) thuộc sở hữu của Công ty Gelex Logistics, công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.4 Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

(\*\*\*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN và số 02/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ký ngày 2 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 12.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐM/GELEX-DC và số 02/2018/HĐĐM/GELEX-DC giữa Tổng Công ty và Quỹ đầu tư Vietnam Debt Fund SPC ký ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 6.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, công ty con của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**21.4 Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

(\*\*\*\*) Gồm 3 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans") và Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh ký ngày 23 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 6 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong năm 2017 và 2018, Công ty Sotrans đã tất toán 350 trái phiếu với tổng mệnh giá là 350 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 36.905.000 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco), thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ký ngày 19 tháng 4 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND. Trong năm, Công ty Sotrans đã tất toán 70 trái phiếu với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 7.218.806 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của Công ty Sotrans, công ty con của Tập đoàn;
- ▶ 98.374 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của một bên thứ ba; và
- ▶ 3.279.317 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco) thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

- (iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký ngày 22 tháng 6 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND. Trong năm, Công ty Sotrans đã tất toán 11 trái phiếu với tổng mệnh giá là 11 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 4.500.000 cổ phiếu VTX (Công ty Vietranstimex) thuộc sở hữu của Công ty Sotrans, công ty con của Tập đoàn;
- ▶ 5.000.000 cổ phiếu SWC (Công ty Sowatco) thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Sotrans, công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (Trình bày lại)
<b>Năm trước</b>									
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.388.963.577	(5.026.115.259)	83.604.392	208.668.128.206	749.075.810.262	714.353.087.731	3.360.921.478.909
- Tăng vốn	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	-	-	152.624.548.268	1.538.354.273.028
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	637.281.217.514	268.821.056.901	906.102.274.415
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(268.803.927.500)	(500.803.927.500)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	8.105.247.051	(8.105.247.051)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(87.156.162.437)	(27.396.095.963)	(114.552.258.400)
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	-	-	(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-	-
- Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	(399.191.636)	(479.808.364)	(879.000.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(130.418.383.586)	(271.923.108.553)	(402.341.492.139)
- Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.348.828.350.945	1.348.828.350.945
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	-	5.025.000.000	-	-	-	-	11.633.000.000
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	1.115.259	(34.738.264)	(93.691.736)	(338.213.383)	(213.397.172)	(678.925.296)
<b>Số dư cuối năm (Trình bày lại)</b>	<b>2.668.000.000.000</b>	<b>622.337.724.760</b>	<b>77.388.963.577</b>	<b>-</b>	<b>48.866.128</b>	<b>77.023.242.245</b>	<b>785.974.270.959</b>	<b>1.915.810.706.293</b>	<b>6.146.583.773.962</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay									
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	2.668.000.000.000	622.337.724.760	77.388.963.577	-	48.866.128	77.023.242.245	785.974.270.959	1.915.810.706.293	6.146.583.773.962
- Tăng vốn (*)	720.000.000.000	547.112.000.000	-	-	-	-	-	-	1.267.112.000.000
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	677.600.000.000	(622.337.724.760)	-	-	-	-	(55.262.275.240)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	942.442.353.541	341.041.003.682	1.283.483.357.223
- Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	-	-	(338.800.000.000)	(133.055.680.087)	(471.855.680.087)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (****)	-	-	-	-	-	-	(62.478.597.060)	(20.273.691.875)	(82.752.288.935)
- Thù lao HĐQT (****)	-	-	-	-	-	-	(892.400.030)	(780.199.970)	(1.672.600.000)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(353.286.749.850)	(310.013.443.266)	(663.300.193.116)
- Công ty con mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	(77.012.608.188)	(147.429.004.996)	(224.441.613.184)
- Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	5.912.660.882	(5.912.660.882)	-
- Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	883.351.014.521	883.351.014.521
- Thanh lý công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(180.370.556.482)	(180.370.556.482)
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	187.165.723	-	-	-	187.165.723
Số dư cuối năm	<u>4.065.600.000.000</u>	<u>547.112.000.000</u>	<u>77.388.963.577</u>	<u>-</u>	<u>236.031.851</u>	<u>77.023.242.245</u>	<u>846.596.655.014</u>	<u>2.342.367.486.938</u>	<u>7.956.324.379.625</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 14/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần của chứng quyền đợt 1; theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thêm 72.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 1.440 chứng quyền với mức giá 16.600 đồng/cổ phiếu. Theo đó, thặng dư vốn cổ phần tăng thêm với số tiền là 547,1 tỷ VND, trong đó 475,1 tỷ là tiền thu từ tăng vốn và 72 tỷ là tiền thu khi phát hành chứng quyền từ năm trước. Tổng Công ty đã sử dụng tiền thu được do tăng vốn từ phát hành chứng quyền chủ yếu để thanh toán các khoản trái phiếu đến hạn, cho các công ty con vay và bổ sung vốn lưu động.

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 17/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn đã quyết định phát hành thêm 67.760.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(\*\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, tạm ứng cổ tức 2018, trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành.

**22.2 Cổ tức**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	-	232.000.000.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.000 VND/cổ phiếu	338.800.000.000	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	-	-

**22.3 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>406.560.000</b>	<b>4.065.600.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	406.560.000	4.065.600.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>13.828.715.331.881</b>	<b>12.094.756.795.679</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	11.441.227.412.630	10.529.742.641.281
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.573.042.069.970	1.091.292.217.322
Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh mạng năng lượng	525.725.301.857	213.287.394.083
Doanh thu khác	288.720.547.424	260.434.542.993
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(129.585.819.594)</b>	<b>(110.615.725.882)</b>
Chiết khấu thương mại	(121.786.687.411)	(102.079.436.987)
Hàng bán bị trả lại	(7.799.132.183)	(8.536.288.895)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>13.699.129.512.287</b>	<b>11.984.141.069.797</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	13.275.512.939.632	11.909.924.315.286
Doanh thu đối với bên liên quan	423.616.572.655	74.216.754.511

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	162.167.815.810	187.702.172.461
Lãi kinh doanh chứng khoán	53.546.017.275	31.391.912.082
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	193.118.660.082	2.625.050.612
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.457.552.864	63.984.043.417
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư nắm giữ trước ngày chi phối vào công ty con (**)	237.718.233.529	31.146.949.743
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.127.496.997	4.905.830.738
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.465.798.683	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>756.601.575.240</b>	<b>321.755.959.053</b>

(\*) Bao gồm chủ yếu là lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

(\*\*) Bao gồm lãi đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Thuyết minh số 4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	9.752.762.614.401	8.843.339.920.159
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	1.263.856.692.030	888.260.892.569
Giá vốn sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng	233.857.407.592	78.536.335.891
Giá vốn khác	232.966.708.266	187.680.402.948
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.483.443.422.289</u></b>	<b><u>9.997.817.551.567</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay, trái phiếu	447.395.281.623	367.135.076.972
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	37.618.939.014	586.996.953
Lỗ kinh doanh chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư tài chính	27.508.615.568	-
Lãi ký quỹ	14.241.676.948	24.356.297.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.032.999.895	5.840.454.163
Chi phí phát hành trái phiếu	12.115.107.360	5.254.515.614
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(14.838.990.146)	27.813.125.690
Chi phí tài chính khác	4.392.714.730	4.278.463.929
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>542.466.344.992</u></b>	<b><u>435.264.930.396</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	125.836.548.586	103.879.703.469
- Chi phí khấu hao	4.052.431.332	3.454.850.047
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.996.821.174	94.145.243.689
- Chi phí bán hàng khác	100.587.502.778	59.832.222.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>347.473.303.870</u></b>	<b><u>261.312.019.780</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.628.661.939	15.532.393.315
- Chi phí nhân công	276.757.951.963	232.795.931.692
- Chi phí khấu hao	20.306.295.762	21.193.849.691
- Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	14.931.199.625	16.022.051.923
- Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	107.745.501.289	48.729.912.191
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.578.491.610	57.126.608.802
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	143.796.880.244	137.317.813.151
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>643.744.982.432</u></b>	<b><u>528.718.560.765</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	9.120.734.954.019	8.531.946.072.422
Chi phí nhân công	886.816.928.717	746.555.288.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388.229.367.770	269.061.944.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.338.002.595.033	837.679.517.556
Chi phí khác	574.018.636.452	509.082.336.713
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.307.802.481.991</u></b>	<b><u>10.894.325.159.866</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Ngoại trừ trường hợp của một số công ty con như trình bày dưới đây, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty Viwasupco được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024), đồng thời miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Do đó, thuế suất TNDN áp dụng cho Công ty Viwasupco trong năm nay là 5% thu nhập chịu thuế.

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được áp dụng thuế suất là 10% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Sotrans Hà Tĩnh được áp dụng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu chịu thuế (năm 2016) và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Sotrans Hà Tĩnh đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	266.980.538.712	344.630.758.045
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu năm trước	(6.620.358.858)	2.256.361.134
Thu nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại	(10.770.230.430)	(108.369.094.148)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>249.589.949.424</u></b>	<b><u>238.518.025.031</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.533.073.306.647	1.144.620.299.446
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	306.614.661.329	228.924.059.889
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng được khấu trừ	36.453.977.734	7.311.738.826
Chi phí không được khấu trừ khác	14.224.209.422	16.661.091.377
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	1.657.944.084	20.040.208.788
Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(28.501.020.653)	(22.336.922.829)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	(6.620.358.858)	2.256.361.134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.091.510.573)	(482.094.658)
Thuế TNDN được miễn, giảm	(31.570.428.094)	(2.348.206.754)
Lỗ năm trước chuyển sang	(22.577.524.967)	(11.508.210.742)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>249.589.949.424</u></b>	<b><u>238.518.025.031</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	7.210.119.673	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	3.509.594.781	-	3.509.594.781	-
Khác	5.208.652.739	4.382.598.484	912.559.379	(2.619.157.013)
	<b>15.928.367.193</b>	<b>11.592.718.157</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(168.897.718.656)	(47.359.952.697)	6.348.076.270	110.988.251.161
	<b>(168.897.718.656)</b>	<b>(47.359.952.697)</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>10.770.230.430</b>	<b>108.369.094.148</b>

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Các công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 80,1 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
2014 (*)	2019	129.938.019.826	(81.584.583.887)	-	48.353.435.939
2015 (*)	2020	72.458.142.718	(52.458.124.032)	-	20.000.018.686
2017 (*)	2022	99.936.142.356	(90.057.409.805)	-	9.878.732.551
2018 (*)	2023	1.900.416.433	-	-	1.900.416.433
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>304.232.721.333</b>	<b>(224.100.117.724)</b>	<b>-</b>	<b>80.132.603.609</b>

(\*) Khoản lỗ tính thuế ước tính của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.774.348.712.204	588.079.657.314
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.900.000.000	47.250.000.000
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.454.179.195	43.409.814.187
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.422.945.164	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Thu hồi gốc cho vay	100.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	85.701.043.385	17.332.761.908
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Chuyển nhượng trái phiếu cho bên thứ ba	204.524.375.000	-
		Nhận chuyển nhượng trái phiếu từ bên thứ ba	217.333.010.300	295.664.375.000
		Tắt toán trái phiếu trước hạn	225.000.000.000	200.000.000.000
		Lãi trái phiếu đã nhận	22.240.569.445	35.705.555.623
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đò	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	172.537.671.200	-
Công ty Cổ phần Viwaco	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Doanh thu cung cấp nước sạch	262.525.511.339	-
		Cho vay	36.000.000.000	-
		Thu hồi khoản vay	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết đến ngày 28 tháng 12 năm 2018	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.562.687.511	9.679.416.002

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b>Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 6.1)</b>					
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đò	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	72.073.979.995	-	
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Trái phiếu	60.288.750.000	139.524.375.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>132.362.729.995</b>	<b>139.524.375.000</b>	
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 6.2 và 15.2)</b>					
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Trái phiếu	15.000.000.000	156.140.000.000	
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đò	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Ủy thác đầu tư	100.287.671.200	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>115.287.671.200</b>	<b>156.140.000.000</b>	
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7)</b>					
Công ty Cổ phần Viwaco	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	66.114.236.778	-	
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.601.329.763	12.978.367.899	
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.128.761.523	5.531.486.329	
Các bên liên quan khác		Khác	7.001.107.150	15.267.636.912	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>124.845.435.214</b>	<b>33.777.491.140</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>					
Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	137.712.844.886	-	
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	83.729.537.578	57.295.942.988	
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	20.802.155	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>221.463.184.619</b>	<b>57.295.942.988</b>	
<b>Phải trả khác (Thuyết minh số 20)</b>					
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập	5.837.174.000	9.969.021.618
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.837.174.000</b>	<b>9.969.021.618</b>

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>942.442.353.541</b>	<b>637.281.217.514</b>
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	(63.371.099.266)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>942.442.353.541</b>	<b>573.910.118.248</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	371.447.671	329.764.110
Ảnh hưởng suy giảm (**)	7.989.095	21.520.244
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>379.436.766</b>	<b>351.284.354</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	2.537	1.740
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.484	1.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(\*\*) Đây là ảnh hưởng của số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua như trình bày tại Thuyết minh số 20.

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- ▶ Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- ▶ Sản xuất và kinh doanh mảng năng lượng bao gồm sản xuất điện và cung cấp nước;
- ▶ Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh màng năng lượng	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>						
Doanh thu	11.311.641.593.036	1.573.042.069.970	525.725.301.857	288.720.547.424	-	13.699.129.512.287
Kết quả						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.558.878.978.635	309.185.377.940	291.867.894.265	55.753.839.158	-	2.215.686.089.998
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(682.612.783.351)
Lợi nhuận thuần trước thuế						1.533.073.306.647
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(249.589.949.424)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						<b>1.283.483.357.223</b>
<b>Tài sản và công nợ</b>						
Tài sản bộ phận	4.876.324.352.209	1.408.813.724.105	2.077.352.730.915	477.139.134.996	-	8.839.629.942.225
Tài sản không phân bổ (*)						8.406.858.230.105
<b>Tổng tài sản</b>						<b>17.246.488.172.330</b>
<b>Công nợ bộ phận</b>						
Công nợ bộ phận	6.545.543.521.389	484.427.725.254	1.315.921.257.587	6.595.278.954	-	8.352.487.783.184
Công nợ không phân bổ (*)						929.045.848.386
<b>Tổng công nợ</b>						<b>9.281.533.631.570</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	288.931.703.748	171.534.494.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.156.809.568.904
Tài sản cố định hữu hình	284.224.953.548	170.960.294.179	522.281.051.173	174.062.319.804	-	1.151.528.618.704
Tài sản cố định vô hình	4.706.750.200	574.200.000	-	-	-	5.280.950.200
Khấu hao	179.546.968.211	62.570.983.143	135.910.510.961	1.061.429.040	-	379.089.891.355
Hao mòn	2.260.179.616	8.515.853.338	-	-	-	10.776.032.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

	Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	Sản xuất và kinh doanh điện	Khác	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng (Trình bày lại)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày</b>						
Doanh thu	10.419.126.915.399	1.091.292.217.322	213.287.394.083	260.434.542.993	-	11.984.141.069.797
Kết quả						
Lợi nhuận gộp của bộ phận Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)	1.575.786.995.240	203.031.324.753	134.751.058.192	72.754.140.045	-	1.986.323.518.230
Lợi nhuận thuần trước thuế						(841.703.218.784)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						1.144.620.299.446
						<u>(238.518.025.031)</u>
						<b>906.102.274.415</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	4.216.134.742.745	906.944.904.932	1.435.841.369.359	255.743.796.731	-	6.814.664.813.767
Tài sản không phân bổ (*)						6.946.121.168.925
						<u>13.760.785.982.692</u>
<b>Tổng tài sản</b>						
Công nợ bộ phận	3.793.987.684.120	361.836.424.879	1.059.225.460.971	65.235.152.331	-	5.280.284.722.301
Công nợ không phân bổ (*)						2.323.702.791.756
						<u>7.603.987.514.057</u>
<b>Tổng công nợ</b>						
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	292.657.356.585	212.268.981.740	15.133.383.708	345.033.767	-	520.404.755.800
Tài sản cố định hữu hình	289.745.154.393	211.765.281.740	15.133.383.708	345.033.767	-	516.988.853.608
Tài sản cố định vô hình	2.912.202.192	503.700.000	-	-	-	3.415.902.192
Khấu hao	126.846.907.489	70.507.132.989	51.595.429.882	19.190.463.598	-	268.139.933.958
Hao mòn	2.014.538.921	211.784.328	-	-	-	2.226.323.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

(\*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(\*\*) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

**32. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	128.161.365.836	37.505.032.544
Trên 1 – 5 năm	298.481.974.955	133.581.351.995
Trên 5 năm	230.129.621.761	157.820.377.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>656.772.962.552</u></b>	<b><u>328.906.762.201</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	64.462.465.481	72.529.223.139
Trên 1 - 5 năm	83.980.191.773	71.636.840.670
Trên 5 năm	53.874.397.868	99.937.092.037
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>202.317.055.122</u></b>	<b><u>244.103.155.846</u></b>

**Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng**

Công ty Viwasupco, công ty con của Tập đoàn đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc đầu tư hình thành giai đoạn 2 - Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông. Tổng số vốn đầu tư cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 491,3 tỷ VND.

Công ty Gelex Ninh Thuận, công ty con của Tập đoàn đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến dự án Nhà máy điện mặt trời Ninh Thuận. Tổng số vốn đầu tư cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 684,7 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn thành việc đánh giá lại giá trị hợp lý (tại ngày mua) của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Sotrans được mua trong năm 2017 (mà trước đây được ghi nhận theo phương pháp kế toán tạm thời tại ngày mua). Tập đoàn đã xác định ảnh hưởng của việc đánh giá lại giá trị hợp lý và điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Lợi thế thương mại	740.911.110.484	(148.889.269.741)	592.021.840.743
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	934.863.540.700	(148.889.269.741)	785.974.270.959
	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)</i>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT</b>			
Doanh thu hoạt động tài chính	847.451.817.078	(525.695.858.025)	321.755.959.053
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(540.790.663.717)	12.072.102.952	(528.718.560.765)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.229.922.543	105.139.171.605	108.369.094.148
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	786.170.487.255	(148.889.269.741)	637.281.217.514
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	528.416.370.628	(259.595.313.727)	268.821.056.901
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>			
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.658.244.054.519	(513.623.755.073)	1.144.620.299.446
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	329.863.959.350	(12.072.102.952)	317.791.856.398
Lãi từ hoạt động đầu tư	(776.698.529.839)	525.695.858.025	(251.002.671.814)

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 30.

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

		
Dương Việt Nga Người lập	Phạm Tuấn Anh Kế toán trưởng	Nguyễn Văn Tuấn Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2019